

Số: *05* /2019/TT-BCT

Hà Nội, ngày *11* tháng *3* năm *2019*

CỤC ĐIỆN LỰC VÀ NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO

Số: *436*
Ngày: *11/3/19*

ĐẾN

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2017/TT-BCT ngày 12 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về phát triển dự án và Hợp đồng mua bán điện mẫu áp dụng cho các dự án điện mặt trời

Căn cứ Luật Điện lực số 28/2004/QH11 ngày 03 tháng 12 năm 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Quyết định số 11/2017/QĐ-TTg ngày 11 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế khuyến khích phát triển các dự án điện mặt trời tại Việt Nam và Quyết định số 02/2019/QĐ-TTg ngày 08 tháng 01 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 11/2017/QĐ-TTg ngày 11 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế khuyến khích phát triển các dự án điện mặt trời tại Việt Nam;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo,

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2017/TT-BCT ngày 12 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về phát triển dự án và Hợp đồng mua bán điện mẫu áp dụng cho các dự án điện mặt trời.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2017/TT-BCT ngày 12 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về phát triển dự án và Hợp đồng mua bán điện mẫu áp dụng cho các dự án điện mặt trời

1. Điều 16 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 16. Giá mua bán điện của dự án điện mặt trời mái nhà

1. Trước ngày 01 tháng 01 năm 2018, giá mua bán điện là 2.086 đồng/kWh (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng, tương đương với 9,35 UScents/kWh, theo tỷ giá trung tâm của đồng Việt Nam với đô la Mỹ do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố ngày 10 tháng 4 năm 2017 là 22.316 đồng/USD);

2. Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2018, giá mua bán điện áp dụng theo quy định tại khoản 1 Điều này được điều chỉnh theo tỷ giá trung tâm của đồng Việt Nam so với đô la Mỹ do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày công bố tỷ giá cuối cùng của năm trước.”.

2. Bổ sung nội dung Hợp đồng mua bán điện mẫu cho các dự án điện mặt trời trên mái nhà quy định tại Phụ lục của Thông tư này.

Điều 2. Bãi bỏ khoản 2, Điều 18 và Phụ lục 3 của Thông tư số 16/2017/TT-BCT ngày 12 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về phát triển dự án và Hợp đồng mua bán điện mẫu áp dụng cho các dự án điện mặt trời.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 4 năm 2019.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng;
- Văn phòng Tổng bí thư;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Công báo;
- Website Chính phủ;
- Website: Bộ Công Thương; Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo;
- Bộ Tư pháp (Cục kiểm tra VBQPPL);
- Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam;
- Các Tổng Công ty Điện lực;
- Lưu: VT, ĐL, PC.

BỘ TRƯỞNG

Trần Tuấn Anh

PHỤ LỤC**HỢP ĐỒNG MUA BÁN ĐIỆN MẪU
CHO DỰ ÁN PHÁT ĐIỆN MẶT TRỜI TRÊN MÁI NHÀ**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số ...05 /2019/TT-BCT
ngày 11 tháng 3 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Thương về sửa đổi,
bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2017/TT-BCT ngày 12 tháng 9 năm
2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về phát triển dự án và Hợp đồng
mua bán điện mẫu áp dụng cho các dự án điện mặt trời)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG MUA BÁN ĐIỆN MẪU
CHO DỰ ÁN ĐIỆN MẶT TRỜI TRÊN MÁI NHÀ

Căn cứ Luật Điện lực số 28/2004/QH11 ngày 03 tháng 12 năm 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Quyết định số 11/2017/QĐ-TTg ngày 11 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế khuyến khích phát triển các dự án điện mặt trời tại Việt Nam và Quyết định số 02/2019/QĐ-TTg ngày 08 tháng 01 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 11/2017/QĐ-TTg ngày 11 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế khuyến khích phát triển các dự án điện mặt trời tại Việt Nam;

Thông tư số 16/2017/TT-BCT ngày 12 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về phát triển dự án và Hợp đồng mua bán điện mẫu áp dụng cho các dự án điện mặt trời và Thông tư số...../2019/TT-BCT ngày.....tháng.....năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2017/TT-BCT:

Căn cứ nhu cầu mua, bán điện của hai bên,

Hôm nay, ngàytháng năm, tại

Chúng tôi gồm:

Bên bán (Bên A):

Địa chỉ:

Điện thoại: _____ Email: _____ Fax: _____

Mã số thuế _____ Giấy ĐKKD/ĐKDN:

Tài khoản: _____ Ngân hàng _____

Đại diện:

Số CCCD/CMND/Hộ chiếu:

Chức vụ: _____ (Được sự ủy quyền của _____
theo văn bản ủy quyền (số, ngày, tháng, năm).

Bên mua (Bên B):

Địa chỉ:

Điện thoại: _____ Email: _____ Fax: _____

Mã số thuế _____ Giấy ĐKKD/ĐKDN:

Tài khoản: _____ Ngân hàng _____

Đại diện:

Chức vụ: _____ (Được sự ủy quyền của _____)

theo văn bản ủy quyền (số, ngày, tháng, năm).

Cùng nhau thỏa thuận ký Hợp đồng mua bán điện (sau đây gọi là Hợp đồng) để mua, bán điện năng được sản xuất từ Dự án điện mặt trời trên mái nhà (sau đây gọi là Dự án), có tổng công suất lắp đặt làkW với các thông số tại Phụ lục (Mẫu Phụ lục do Bên B ban hành), do Bên A đầu tư xây dựng và vận hành tại [địa điểm xây dựng dự án] với những điều khoản dưới đây:

Điều 1. Điện năng mua bán

1. Kể từ [ngày vận hành thương mại], Bên A đồng ý bán cho Bên B và Bên B đồng ý mua của Bên A lượng điện năng được sản xuất từ Dự án phát lên lưới của Bên B được đo đếm qua công tơ ghi trong Biên bản treo, tháo công tơ đính kèm Hợp đồng này. Biên bản treo, tháo công tơ là một phần không thể tách rời của Hợp đồng này và được thay thế (theo định kỳ hoặc do hỏng hóc) trong quá trình thực hiện mua bán điện giữa Hai bên.

2. Bên B có trách nhiệm thanh toán lượng điện năng từ Dự án của Bên A phát lên lưới của Bên B theo giá mua điện quy định tại Điều 2 của Hợp đồng này.

3. Điện năng Bên A nhận từ lưới của Bên B sẽ được hai bên ký hợp đồng mua bán điện riêng không thuộc phạm vi của Hợp đồng này.

Điều 2. Giá mua bán điện

1. Trước ngày 01 tháng 01 năm 2018, giá mua bán điện là 2.086 đồng/kWh (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng, tương đương với 9,35 UScents/kWh, theo tỷ giá trung tâm của đồng Việt Nam với đô la Mỹ do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố ngày 10 tháng 4 năm 2017 là 22.316 đồng/USD).

2. Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2018, giá mua bán điện áp dụng theo quy định tại khoản 1 Điều này, điều chỉnh theo biến động của tỷ giá đồng/USD căn cứ vào tỷ giá trung tâm của đồng Việt Nam so với đô la Mỹ do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày công bố tỷ giá cuối cùng của năm trước.

3. Giá mua điện quy định khoản 1 và 2 Điều này được áp dụng trong 20 năm kể từ ngày dự án vào vận hành thương mại.

Điều 3. Xác nhận chỉ số công tơ, điện năng phát lên lưới và lập hóa đơn

1. Xác nhận chỉ số công tơ, điện năng phát lên lưới

- Bên B thực hiện ghi chỉ số công tơ vào ngày hàng tháng.

- Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày ghi chỉ số công tơ, Bên B sẽ thông báo cho Bên A chỉ số công tơ và lượng điện từ Dự án phát lên lưới trong kỳ thanh toán bằng hình thức:

Web Email ..[Địa chỉ nhận email] Zalo/Viber..[Số ĐT nhận tin]

- Trường hợp Bên A không thống nhất với chỉ số công tơ và lượng điện năng phát lên lưới do Bên B thông báo, Bên A có trách nhiệm phản hồi trong vòng 01 (một) ngày làm việc kể từ khi nhận thông báo của Bên B bằng hình thức:

Web Email ..[Địa chỉ nhận email] Zalo/Viber..[Số ĐT nhận tin]

- Sau thời hạn trên, nếu Bên A không có ý kiến phản hồi cho Bên B thì được hiểu là Bên A thống nhất với chỉ số công tơ và lượng điện năng phát lên lưới do Bên B thông báo.

2. Tiền điện thanh toán:

a. Tiền điện: Căn cứ sản lượng điện hai Bên đã thống nhất tại khoản 1 Điều này và giá mua điện tại Điều 2 của Hợp đồng này, định kỳ hàng tháng Bên B sẽ thanh toán cho Bên A tiền điện (chưa bao gồm thuế GTGT) như sau:

$$T(n) = Ag(n) \times G(n)$$

Trong đó:

T(n): Tiền điện thanh toán trong tháng n (đồng).

Ag(n): Điện năng Bên A phát lên lưới Bên B trong tháng n (kWh).

- Đối với công tơ 1 biểu giá Ag(n) là sản lượng chiều Bên A giao lên lưới Bên B ghi nhận tại công tơ đo đếm.

- Đối với công tơ 3 biểu giá Ag(n) là tổng sản lượng 3 biểu (giờ bình thường, cao điểm, thấp điểm) Bên A giao lên lưới Bên B ghi nhận tại công tơ đo đếm.

G(n): Giá điện áp dụng cho tháng n theo quy định tại Điều 2 (đồng/kWh).

b. Thuế GTGT: Ngoài tiền điện thanh toán tại mục a khoản 2 Điều này, Bên B phải thanh toán cho Bên A tiền thuế GTGT nếu Bên A có mức doanh thu từ dự án điện mặt trời thuộc đối tượng chịu thuế theo quy định hiện hành. Khi kết thúc kỳ ghi chỉ số công tơ cuối cùng của năm, Bên B có trách nhiệm quyết toán tiền mua điện từ dự án điện mặt trời trong năm và quyết toán thuế GTGT cho Bên A tùy thuộc vào doanh thu phát sinh từ dự án điện mặt trời.

Điều 4. Thanh toán

1. Hồ sơ thanh toán:

a) Bên A là doanh nghiệp có phát hành hóa đơn hàng tháng:

Bảng kê chỉ số công tơ và điện năng tháng Bên A phát lên lưới của Bên B do Bên B cung cấp;

Hóa đơn bán hàng theo quy định do Bên A cung cấp với giá trị tiền điện thanh toán được xác định tại Khoản 2 Điều 3 Hợp đồng này.

b) Bên A là tổ chức, cá nhân không phát hành hóa đơn hàng tháng:

Hàng tháng:

Bên B sẽ căn cứ Bảng kê chỉ số công tơ và điện năng Bên A phát lên lưới của Bên B để thanh toán tiền điện cho Bên A, giá trị tiền điện thanh toán được xác định tại Mục a Khoản 2 Điều 3 Hợp đồng này.

Hàng năm:

Chậm nhất sau 15 ngày kể từ ngày kết thúc năm hoặc kết thúc Hợp đồng tùy thời điểm nào đến trước, Bên B lập và gửi Bên A xác nhận “Biên bản xác nhận sản lượng điện giao nhận và tiền điện thanh toán” của năm theo mẫu quy định tại Phụ lục (Mẫu Phụ lục do Bên B ban hành) của Hợp đồng này.

Trường hợp Bên A có mức doanh thu thuộc đối tượng chịu thuế nêu tại mục b khoản 2 Điều 3, Bên A có trách nhiệm gửi Bên B Hóa đơn bán hàng bao gồm các khoản thuế, phí theo quy định.

2. Hình thức thanh toán:

Chuyển khoản (Bên A chịu phí chuyển khoản).

Thông tin chuyển khoản:.....

3. Thời hạn thanh toán:

a) Trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc sau ngày Bên A thống nhất chỉ số công tơ và điện năng phát lên lưới (do Bên B thông báo) và nộp đủ hồ sơ thanh toán quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Sau thời hạn nêu trên, Bên B không thanh toán cho Bên A thì Bên B có trách nhiệm trả lãi phạt chậm trả cho toàn bộ khoản tiền chậm trả tính từ ngày sau ngày đến hạn thanh toán đến ngày Bên B thanh toán. Lãi phạt chậm trả được tính bằng lãi suất giao dịch bình quân liên ngân hàng kỳ hạn một (01) tháng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm Bên B thanh toán.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của các bên

1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

a) Đảm bảo các quy chuẩn kỹ thuật về điện mặt trời; đảm bảo chất lượng điện năng theo quy định tại Khoản 1 Điều 15 Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật điện lực và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Điện lực; Điều 40, 41 Thông tư số 39/2015/TT-BCT ngày 18 tháng 11 năm 2015 của Bộ Công Thương quy định hệ thống điện phân phối (gọi tắt là Thông tư số

39/2015/TT-BCT) hoặc văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

b) Cùng với Bên B ghi nhận, thống nhất và theo dõi sản lượng điện phát lên lưới của Bên B.

c) Vận hành Dự án theo quy định tại Điều 52 Thông tư số 39/2015/TT-BCT.

d) Bên A không được đấu nối các nguồn điện khác, ngoài Dự án đã được thỏa thuận trong Hợp đồng này, qua hệ thống đo đếm mà không được sự đồng ý của Bên B.

e) Bên A có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ thuế theo các quy định của Nhà nước.

2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

a) Đầu tư, lắp đặt công tơ hai chiều tại điểm giao nhận điện cho Bên A nếu Bên A đáp ứng các tiêu chuẩn đấu nối tại Mục a Khoản 1 Điều này.

b) Cùng với Bên A ghi nhận, thông báo, thống nhất và theo dõi lượng điện từ Dự án phát lên lưới của Bên B.

c) Kiểm tra, giám sát vận hành và xử lý theo quy định tại Điều 52 Thông tư số 39/2015/TT-BCT.

d) Bên B có quyền từ chối thanh toán khi Bên A không tuân thủ các điều khoản quy định tại Mục a, c, d, e Khoản 1 Điều này.

Điều 6. Những thỏa thuận khác

.....

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Trừ khi được gia hạn hoặc chấm dứt trước thời hạn, Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và có thời hạn 20 năm kể từ ngày *[ngày vận hành thương mại]*.

2. Trong thời gian thực hiện, một trong hai bên có yêu cầu sửa đổi, bổ sung hoặc chấm dứt Hợp đồng, bên yêu cầu phải thông báo cho bên kia trước 15 ngày để cùng nhau giải quyết.

3. Hợp đồng này được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản.

Bên A

(Ký và ghi rõ họ và tên và đóng dấu)

Bên B

(Ký và ghi rõ họ và tên và đóng dấu)